

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ 01 DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

(kèm theo Công văn số: /SNNMT-PTNT ngày /7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH					DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ 01 DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK	THUYẾT MINH	
TỈNH ĐẮK LẮK (CŨ)	TỈNH PHÚ YÊN (TRƯỚC ĐÂY)						
NGHỊ QUYẾT 09/2023/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2023 QUY ĐỊNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK (CŨ) GIAI ĐOẠN 2021-2025	NGHỊ QUYẾT 09/2023/NQ-HĐND NGÀY 07/7/2023 QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN (TRƯỚC ĐÂY)	NGHỊ QUYẾT 32/2023/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2023 QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ; DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG THUỘC DỰ ÁN 2 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN (TRƯỚC ĐÂY)	NGHỊ QUYẾT 02/2023/NQ-HĐND NGÀY 21/4/2023 QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2023-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN (TRƯỚC ĐÂY)	NGHỊ QUYẾT 29/2023/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2023 QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, PHƯƠNG ÁN, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ; DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG THUỘC NỘI DUNG SỐ 1, TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN (TRƯỚC ĐÂY)			
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng							
1. Phạm vi điều chỉnh							
Quy định mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ,mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục giai đoạn 2021-2025.	Quy định nội dung, mức hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025	Quy định định mức chi giai đoạn 2021 - 2025	Quy định mức hỗ trợgiai đoạn 2023-2025	Quy định về định mức chigiai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất; định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Cơ bản kế thừa chính sách hiện hành, điều chỉnh Chương trình và thời gian cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Điều chỉnh phạm vi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mới sau sáp nhập và áp dụng cho giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp thời gian thực hiện.	
2. Đối tượng áp dụng							
Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi cả tỉnh. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và phụ nữ thuộc hộ nghèo	1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả tỉnh. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo. 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động hỗ trợ dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Dự án 2 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán và hưởng thụ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Nội dung số 01, Tiểu dự án 2, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Cơ bản kế thừa chính sách hiện hành và điều chỉnh phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. 2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới. 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.	Hội đồng nhân dân tỉnh giao: 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội của đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.	Hội đồng nhân dân tỉnh giao: 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội của đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.	Không quy định	Hội đồng nhân dân tỉnh giao: 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.	1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Cơ bản kế thừa nội dung các chính sách hiện hành.
Điều 7. Điều khoản thi hành						
Điều 7. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.	1. Những nội dung khác liên quan không quy định tại nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản mới thì áp dụng nội dung quy định văn bản mới./.	Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định văn bản mới.	Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành khi có hiệu lực thi hành	Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2023./.	1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó. 3. Các quy định về nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk và tại các Điều của các Nghị quyết do HĐND tỉnh Phú Yên ban hành, cụ thể: Điều 3 Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023; Điều 4 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023; Điều 1 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 được tiếp tục áp dụng đến hết thời gian thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội).	Cơ bản kế thừa nội dung các chính sách hiện hành. Quy định rõ nội dung, rõ trách nhiệm, bảo đảm thuận lợi khi tổ chức thi hành.